

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 545/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn
tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... 2.8.12.....
	Ngày: 21.10.16.....
	Chuyên:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/04/2016 của Chính phủ về việc xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 14/08/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 2191/SXD-KTQH&ĐT ngày 26/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính tỉnh Quảng Ngãi với tổng diện tích tự nhiên là 5.152,69 km². Phạm vi lập quy hoạch nghĩa trang cho 14 đơn vị hành chính cấp huyện (trong đó có Khu kinh tế Dung Quất) trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

b) Đối tượng nghiên cứu quy hoạch: Hệ thống nghĩa trang nhân dân, nghĩa trang vùng (nếu có), cơ sở hỏa táng, trong đó tập trung vào:

- Hệ thống nghĩa trang nhân dân tập trung phục vụ liên huyện, thành phố.
- Hệ thống nghĩa trang tập trung phục vụ vùng huyện.
- Hệ thống nghĩa trang tập trung phục vụ các đô thị, liên xã (cụm xã nông thôn).

2. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch

2.1. Quan điểm quy hoạch

- Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 là đồ án quy hoạch xây dựng chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật vùng tỉnh, trong đó tập trung quy hoạch, bố trí hệ thống nghĩa trang phục vụ liên xã, các đô thị, vùng huyện, vùng liên huyện trên địa bàn tỉnh.

- Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan.

- Tiếp cận theo hướng áp dụng công nghệ táng hiện đại, phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, khai thác sử dụng có hiệu quả về đất đai và đáp ứng yêu cầu về cảnh quan, bảo vệ môi trường

2.2. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa định hướng xây dựng nghĩa trang tỉnh Quảng Ngãi trong quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Từng bước đưa việc sử dụng hình thức táng văn minh, hiện đại trở thành hình thức táng phổ biến của người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm tiết kiệm quỹ đất và bảo vệ môi trường.

- Đáp ứng nhu cầu táng trong toàn tỉnh trong thời gian ngắn hạn và dài hạn, đồng thời phù hợp với lộ trình đóng cửa hoặc di dời các nghĩa trang hiện hữu.

- Đáp ứng các yêu cầu về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, là cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh.

3. Nội dung quy hoạch nghĩa trang và nhà tang lễ

3.1. Dự báo nhu cầu táng, tỷ lệ hình thức táng, đất xây dựng nghĩa trang

Nhu cầu táng theo từng giai đoạn đến năm 2020, năm 2030 được dự báo theo bảng sau:

T	Khu vực	Dự báo số người tử vong qua các giai đoạn (người)	
		Từ 2016 - 2020	Từ 2021 - 2030
	Đô thị	17.700	44.257
	Nông thôn	31.507	63.353
	Toàn tỉnh	49.207	107.610

Tỷ lệ các hình thức táng theo từng giai đoạn đến năm 2020, năm 2030 dự báo theo bảng sau:

TT	Hình thức táng	Đơn vị tính	GĐ 2016-2020	GĐ 2021-2030
1	Đô thị trung tâm cấp vùng (thành phố Quảng Ngãi, các đô thị trong KKT Dung Quất)			
1.1	Chôn 1 lần không cải táng	%	90	70
1.2	Hỏa táng	%	10	30
1.3	Tỷ lệ người chết nơi khác đưa về địa phương an táng	%	5	5
1.4	Cát táng (di dời mộ);	%	20	35
1.5	Tỷ lệ tử vong	‰	6,0	5,8
1.6	Hệ số chết đột biến	%	1,1	1,1
2	Khu vực các đô thị ven biển			
2.1	Chôn 1 lần không cải táng	%	100	85
2.2	Hỏa táng	%	0	15
2.3	Tỷ lệ người chết nơi khác đưa về địa phương an táng	%	3	3
2.4	Cát táng (di dời mộ)	%	20	25
2.5	Tỷ lệ tử vong	‰	6,2	6,0
2.6	Hệ số chết đột biến	%	1,1	1,1
3	Huyện đảo Lý Sơn			
3.1	Chôn 1 lần không cải táng	%	85	50

TT	Hình thức táng	Đơn vị tính	GD 2016-2020	GD 2021-2030
3.2	Hỏa táng	%	15	50
3.3	Cát táng (di dời mộ)	%	20	40
3.4	Tỷ lệ tử vong	‰	6,2	6,0
3.5	Hệ số chết đột biến	%	1,1	1,1
4	Khu vực đô thị miền núi và dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh			
4.1	Chôn 1 lần không cải táng	%	100	100
4.2	Hỏa táng tại thị trấn Di Lăng	%	0	10
4.3	Cát táng (di dời mộ)	%	10	20
4.4	Tỷ lệ tử vong	‰	6,2	6,0
4.5	Hệ số chết đột biến	%	1,1	1,1

3.2. Dự báo nhu cầu đất xây dựng nghĩa trang

TT	Khu vực	Nhu cầu đất nghĩa trang qua các giai đoạn (ha)	
		Từ 2016 - 2020	Từ 2021 - 2030
1	Đô thị	34,6	80,3
2	Nông thôn	71,9	89,4
	Toàn tỉnh	106,5	169,7

3.3. Quy hoạch nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ

3.3.1. Quy hoạch nghĩa trang

Đến năm 2030 tỉnh Quảng Ngãi đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, mở rộng 42 nghĩa trang nhân dân tập trung cấp vùng tỉnh, vùng huyện và nghĩa trang tập trung cấp huyện phục vụ liên đô thị, liên huyện và liên xã và phục vụ mỗi đô thị. Tổng diện tích quy hoạch là 296.4 ha. Trong đó:

- Nghĩa trang cấp vùng tỉnh: Xây dựng mới 4 nghĩa trang cấp vùng tỉnh, với tổng diện tích 115 ha, khả năng đáp ứng diện tích đất là 211,7 ha phục vụ liên huyện, liên đô thị gồm: Nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa; Công viên nghĩa trang tại xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi; Nghĩa trang Phượng Hoàng (Khu Kinh tế Dung Quất) và Nghĩa trang công viên Sơn Viên Lạc Cảnh tại xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn.

- Nghĩa trang cấp vùng huyện: Xây dựng 8 nghĩa trang tập cấp vùng huyện gồm: Nghĩa trang Nghĩa Kỳ (mở rộng giai đoạn 2), huyện Tư Nghĩa; Nghĩa trang Núi Một, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức; Nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng Đức Phổ (xã Phổ Ninh); Nghĩa trang Cỏ Huê, xã Bình Long, huyện Bình Sơn; Nghĩa trang Bình Hòa (khu vực núi Gò Đam, KKT Dung Quất); Nghĩa trang Gò Nghĩa, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh; Nghĩa trang Ba Cung (thôn Dốc Mốc 2, xã Ba Cung, huyện Ba Tơ); Nghĩa trang núi Vòng Sỏi, huyện Lý Sơn. Tổng diện tích 65,6 ha, khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất là 117,1 ha. Phục vụ các đô thị và các xã nông thôn phụ cận.

Nghĩa trang tập trung cấp huyện: Đến năm 2030 xây dựng 30 nghĩa trang tập trung cấp huyện, với tổng diện tích 113 ha, khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất là 188,32. Phục vụ tại mỗi đô thị và cụm xã nông thôn.

(Chi tiết xem Phụ lục kèm theo Quyết định này)

3.3.2. Quy hoạch cơ sở hỏa táng

Đến năm 2030 tỉnh Quảng Ngãi đầu tư xây dựng mới 6 cơ sở hỏa táng, cụ thể:

Giai đoạn đến năm 2020 đầu tư 3 cơ sở hỏa táng gồm: Nhà hỏa táng tại Nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, phục vụ nhu cầu hỏa táng của thành phố Quảng Ngãi, các huyện Nghĩa Hành và huyện Tư Nghĩa; Nhà hỏa táng tại Nghĩa trang Phụng Hoàng, phục vụ các đô thị, dân cư trong Khu kinh tế Dung Quất và Cơ sở hỏa táng tại nghĩa trang núi Vòng Sỏi, phục vụ huyện đảo Lý Sơn.

Giai đoạn từ năm 2021-2030: Đầu tư xây dựng mới thêm 3 cơ sở hỏa táng gồm: Cơ sở hỏa táng đặt tại Công viên nghĩa trang tại xã Tịnh Ấn Đông (hoặc tại Công viên nghĩa trang xã Bình Hiệp), phục vụ nhu cầu hỏa táng khu vực phía Bắc thành phố Quảng Ngãi, huyện Sơn Tịnh, huyện Bình Sơn; Cơ sở hỏa táng đặt tại nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng Đức Phổ tại xã Phổ Ninh, phục vụ nhu cầu hỏa táng của dân cư huyện Đức Phổ, huyện Mộ Đức; Cơ sở hỏa táng tại nghĩa trang thị trấn Di Lăng, thuộc tổ dân phố Cà Đáo, phục vụ huyện Sơn Hà và các huyện phụ cận.

3.3.3. Quy hoạch mạng lưới nhà tang lễ

Định hướng đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi sẽ xây dựng mới 8 nhà tang lễ, nâng cấp, cải tạo 02 nhà tang lễ hiện có; cụ thể:

- Giai đoạn đến năm 2020: Đầu tư nâng cấp, cải tạo 02 nhà tang lễ hiện có: Nhà tang lễ thành phố Quảng Ngãi tại đường Bùi Thị Xuân và nhà tang lễ tại Bệnh viện đa khoa Dung Quất. Xây dựng mới 03 nhà tang lễ: Nhà tang lễ phía Bắc sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi; nhà tang lễ thị trấn Đức Phổ và nhà tang lễ huyện Lý Sơn;

- Giai đoạn 2021-2030: Xây dựng mới 5 nhà tang lễ gồm: Khu Kinh tế Dung Quất xây dựng thêm nhà tang lễ tại nghĩa trang Bình Hòa, nhà tang lễ tại Công viên nghĩa trang Sơn viên Lạc Cảnh tại xã Bình Hiệp và 03 nhà tang lễ tại thị trấn Mộ Đức (huyện Mộ Đức), thị trấn Châu Ô (huyện Bình Sơn); thị trấn Di Lăng (huyện Sơn Hà). Sau năm 2030, căn cứ theo nhu cầu sử dụng của người dân các đô thị trên địa bàn tỉnh sẽ lên kế hoạch xây dựng tiếp các nhà tang lễ tại các đô thị khác.

4. Các giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch

- Tuyên truyền sâu rộng tới các tổ chức, cá nhân liên quan, nhất là nhân dân các địa phương nơi dự kiến quy hoạch bố trí các nghĩa trang, nhà tang lễ, lò hỏa táng để mọi người biết, hiểu và thực hiện đúng quy hoạch.

- Tổ chức lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang, quy hoạch sử dụng đất các đô thị phù hợp với quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh được duyệt. Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng trong khu vực dự kiến xây dựng nghĩa trang, nhà tang lễ, lò hỏa táng.

- Thực hiện tốt việc bảo vệ chăm sóc, tu bổ các nghĩa trang, giữ vệ sinh trong các hoạt động an táng và vệ sinh môi trường trong nghĩa trang theo đúng quy định.

- Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng hình thức hỏa táng và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các cơ sở hỏa táng, từng bước thực hiện hình thức hỏa táng - hình thức mai táng văn minh, tiết kiệm diện tích đất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phù hợp với đời sống hiện đại.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hợp lý để hỗ trợ, ưu đãi đầu tư nhằm huy động các nguồn lực ngoài ngân sách tham gia đầu tư phát triển hệ thống nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng theo phương thức xã hội hóa.

- Đóng cửa, di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ hiện hữu trong đô thị; cải tạo và khai thác sử dụng có hiệu quả quỹ đất nghĩa trang sau khi di dời, đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị.

(Phần chi tiết có hồ sơ Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm:

- Giúp UBND tỉnh quản lý Nhà nước về công tác quy hoạch và triển khai thực hiện theo quy hoạch;

- Tổ chức công bố, công khai quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan biết và thực hiện;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các Sở ban ngành liên quan tổ chức triển khai cụ thể theo đúng quy hoạch được duyệt.

2. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm: xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức lập hoặc hướng dẫn các chủ đầu tư lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng các nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng thuộc địa bàn quản lý theo đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất; Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TT Thành ủy, Huyện ủy các huyện, thành phố;
- VPUB: PVP, các phòng N/c, CB;
- Lưu VT, CNXD.tlsáng.479



Trần Ngọc Căng

PHỤ LỤC

Định hướng quy hoạch hệ thống nghĩa trang tập trung tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh)

TT	Tên nghĩa trang Vị trí	Số lượng (hàng)		Diện tích đáp ứng (ha)	Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Phạm vi phục vụ / tuổi thọ	Lộ trình thực hiện
		Hiện 2020	2021- 2030				
1	NGHĨA TRANG CẤP VÙNG TỈNH						
1.1	Nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	10	20	40	Xây dựng mới - Hòa táng; Chôn 1 lần không cải táng; Cát táng	Phục vụ các phường, xã phía Nam sông Trà, thành phố Quảng Ngãi; các xã, thị trấn lân cận thuộc huyện Tư Nghĩa, huyện Nghĩa Hành, có khả năng phục vụ đến năm 2030.	2016-2025
1.2	Công viên nghĩa trang xã Tịnh Ấn Đông, khu vực núi Dung Kiến, xã Tịnh Ấn Đông	10	35	75	Xây dựng mới - Hòa táng; Chôn 1 lần không cải táng; Cát táng	Phục vụ các phường và dân cư các xã phía Bắc sông Trà/ 100 năm	2016-2017
1.3	Nghĩa trang Phương Hoàng (núi Phương Hoàng, xã Bình Thanh Đông)	15	30	40,5	Xây dựng mới - Hòa táng; Chôn 1 lần; Cát táng	Phục vụ dân cư khu đô thị Sa Kỳ; Vạn Tường; Tiếp nhận mộ di dời trong KKT Dung Quất/70-100 năm	2016-2017
1.4	Công viên nghĩa trang xã Bình Hiệp (khu vực núi Hòn Côi - đập Hồ Vàng)	15	30	56,2	Xây dựng mới - Chôn cất 1 lần không cải táng; Cát táng; Hòa táng (sau năm 2020)	Phục vụ dân cư TT. Châu Ổ, các xã phía Nam huyện Bình Sơn; 50-70 năm	2018-2020
2	NGHĨA TRANG CẤP VÙNG HUYỆN						
2.1	Thành phố Quảng Ngãi	5	10	10			
2.1.1	Nghĩa trang Nghĩa Kỳ (Mở rộng giai đoạn 2)	5	10	10	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần không cải táng; Tiếp nhận mộ cát táng	Phục vụ dân cư Nam thành phố Quảng Ngãi/ đến năm 2030	2016-2017
2.2	Huyện Mộ Đức	5	15	18			
2.2.1	Nghĩa trang Núi Một, thị trấn Mộ Đức	5	15	18	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần không cải táng; Tiếp nhận mộ cát táng	Thị trấn Mộ Đức/ đến năm 2050	2016-2017
2.3	Huyện Đức Phổ	5	10	40			
2.3.1	Nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng Đức Phổ (thôn An)	5	10	40	Mở rộng hiện trạng - Hòa táng; Chôn cất 1 lần; tiếp nhận mộ cát táng	Thị trấn Đức Phổ, xã Phổ Ninh và khu vực phụ cận huyện Đức Phổ,	2016-2017

TT	Tên nghĩa trang/ Vị trí	Diện tích quy hoạch (ha)		Diện tích đáp ứng (ha)	Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Phạm vi phục vụ / tuổi thọ	Lộ trình thực hiện
		Đến 2020	2021- 2030				
	Ninh, xã Phò Ninh)					Mộ Đức / đến năm 2050	
2.4	H. Bình Sơn - KKT Dung Quất	7,9	14	24,5			
2.4.1	Nghĩa trang Cỏ Huê, xã Bình Long	2,9	4	6	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần không cải táng; Tiếp nhận mộ cát táng	Đô thị Dốc Sỏi, các xã Bình Nguyên, Bình Chánh, Bình Thạnh/2050	2016- 2017
2.4.2	Nghĩa trang Bình Hòa (khu vực núi Gò Đam) - KKT Dung Quất	5	10	18,5	Mở rộng nghĩa trang hiện trạng - Chôn cất 1 lần không cải táng; Tiếp nhận mộ cát táng;	Nhu cầu hỏa táng, chôn mới tại các đô thị trong KKT Dung Quất /sau 2030	2016- 2017
2.5	Huyện Sơn Tịnh	3	7	12			
2.5.1	Nghĩa trang Gò Nghĩa, xã Tịnh Sơn	3	7	12	Xây dựng mới - Chôn cất 1 lần không cải táng; Tiếp nhận mộ cát táng	Trung tâm huyện ly Sơn Tịnh mới, các xã phụ cận/ đến 2050	2017- 2018
2.6	Huyện Ba Tơ	2	4	7			
2.6.1	Nghĩa trang Ba Cung (thôn Dốc Mốc 2, xã Ba Cung)	2	4	7	Xây dựng mới nghĩa trang, chôn 1 lần, tiếp nhận mộ cát táng	Thị trấn Ba Tơ và xã Ba Cung/ sau năm 2030	2018- 2019
2.7	Huyện đảo Lý Sơn	3,6	5,6	5,6			
2.7.1	Nghĩa trang núi Vòng Sỏi	3,6	5,6	5,6	Mở rộng hiện trạng - Hỏa táng; chôn 1 lần, cát táng	Trung tâm huyện Lý Sơn, các xã An Hải, An Vĩnh/ Đến năm 2030	2016- 2017
III	NGHĨA TRANG TẬP TRUNG CẤP HUYỆN						
3.1	Thành phố Quảng Ngãi	6,5	18	22,7			
3.1.1	Nghĩa trang Tịnh Long (KV núi đầu Voi)	3,5	10	12,2	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần, cát táng	Khu vực các xã Tịnh Long, Tịnh An, Tịnh Kỳ, Tịnh Thiện, Tịnh Khê	2016- 2017
3.1.2	Nghĩa trang Nghĩa Dũng (thôn 5 xã Nghĩa Dũng và Bàu Đình xã Nghĩa Hà)	3	8	10,5	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần, cát táng	khu vực các xã Nghĩa Phú, Nghĩa Hà, Nghĩa Dũng, Nghĩa Đông, Nghĩa An	2016- 2017
3.2	H. Bình Sơn - KKT Dung Quất	12	20,8	33			
3.2.1	Nghĩa trang thôn Thượng Hòa (KV Núi đá Chông - xã Bình Đông) - KKT Dung Quất	3	5	9	Xây dựng mới - Chôn cất 1 lần; tiếp nhận mộ di dời (cát táng)	xã Bình Đông, KĐT Dốc Sỏi, phía Tây Dung Quất/ đến năm 2030	2016
3.2.2	Nghĩa trang Bình	2	3	5	Mở rộng hiện trạng -	Phục vụ nhu cầu	2016

TT	Tên nghĩa trang/ Vị trí	Diện tích quy hoạch (ha)		Diện tích đáp ứng (ha)	Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Phạm vi phục vụ / (tuổi thọ)	Lộ trình thực hiện
		Đến 2020	2021- 2030				
	Phước (khu vực núi Phở Tĩnh) - KKT Dung Quất				Chôn cất 1 lần; tiếp nhận mộ di dời (cát táng)	an táng xã Bình Đông, Bình Thuận, Bình Trị/ 50 năm	
3.2.3	Nghĩa trang Đồng Cố, xã Bình Nguyên - KKT Dung Quất	1,2	3,57	6	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần; tiếp nhận mộ di dời (cát táng)	Phục vụ xã Bình Nguyên, Bình Chánh/ 50 năm	2016
3.2.4	Nghĩa trang Phước Hòa xã Bình Trị - KKT Dung Quất	4,3	7,3	10,5	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần; tiếp nhận mộ di dời (cát táng)	Phục vụ xã Bình Trị, Bình Thuận/ 50 năm	2016
3.2.5	Nghĩa Trang Bình Thới (khu vực Núi Đạo)	1,5	2	2,5	Xây dựng mới – Chôn 1 lần; tiếp nhận mộ di dời các xã phụ cận	xã Bình Thới; một phần thị trấn Châu Ô/ đến 2030	2016
3.3	Huyện Đức Phổ	7	13	26,6			
3.3.1	Nghĩa trang Phở Vân, tại gò Ông Thiếu, thôn Tập An Bắc	3	5	7,5	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần không cải táng, cát táng di dời 2 nghĩa địa tại thị trấn Đức Phổ	Đô thị Đức Phổ (khu vực thị trấn Đức Phổ mở rộng)/đến năm 2030	2016
3.3.2	Nghĩa trang Phở Phong tại thôn Vạn Lý	3	5	12,1	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần không cải táng, cát táng di dời 2 nghĩa địa tại xã Phở Vân	Khu đô thị Trà Cầu và xã Phở Vân/ sau năm 2030	2016- 2017
3.3.3	Nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng Sa Huỳnh (thôn La Vân, xã Phở Thạnh)	1	3	7	Xây dựng mới - Chôn 1 lần, tiếp nhận mộ di dời từ 2 nghĩa địa tại thôn Vĩnh Xuân và Hiệp An xã Phở Phong	Đô thị Phở Phong/sau năm 2030	2016- 2017
3.4	Huyện Sơn Tịnh	10	20	33			
3.4.1	Nghĩa trang đôi 48, xã Tịnh Hà	5	10	18	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần không cải táng, tiếp nhận mộ cát táng	Tiếp nhận mộ di dời và chôn mới xã Tịnh Hà và khu vực phụ cận/ đến 2030	2016- 2017
3.4.2	Nghĩa trang Động Doan, thôn Thế Lợi, xã Tịnh Phong	5	10	15	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần không cải táng, tiếp nhận mộ cát táng	Tiếp nhận mộ di dời và chôn mới xã Tịnh Phong, khu vực phụ cận/ đến 2030	2016- 2017
3.5	Huyện Tư Nghĩa	5,17	12,3	18,2			
3.5.1	Nghĩa trang Ông Xeo; TT. La Hà	0,67	2,3	3,2	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần, cát táng;	Thị trấn La Hà/ sau năm 2030	2016- 2017
3.5.2	Nghĩa trang xã Nghĩa Phương	4,5	10	15	Xây dựng mới - Chôn 1 lần không cải táng, tiếp nhận mộ cát táng	Thị trấn Sông Vệ, xã Nghĩa Phương, Nghĩa Thương, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Mỹ/ đến năm 2030	2017- 2018

TT	Tên nghĩa trang/ Vị trí	Diện tích quy hoạch (ha)		Diện tích đáp ứng (ha)	Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Phạm vi phục vụ / tuổi thọ	Lộ trình thực hiện
		Đến 2020	2021- 2030				
3.6	Huyện Nghĩa Hành	1	3	5,5			
3.6.1	NT Đông Ông Trần, TT. Chợ Chùa	1	3	5,5	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần; Cát táng	Thị trấn Chợ Chùa/ sau năm 2030	2016- 2017
3.7	Huyện Mộ Đức	1,3	4	9			
3.7.1	Nghĩa trang Núi Thụ	0,8	2	5	Mở rộng hiện trạng - Chôn cát 1 lần không cải táng, tiếp nhận mộ cát táng	ĐTM Thạch Trụ, đến năm 2030	2016- 2017
3.7.2	Nghĩa trang Núi Điệp	0,5	2	4	Mở rộng hiện trạng - Chôn cát 1 lần không cải táng, tiếp nhận mộ cát táng	ĐTM Nam Sông Vệ, Quán Lát/ sau năm 2030	2016- 2017
3.8	Huyện Minh Long	1,5	3	6,5			
3.8.1	NT Hóc Chố (thôn Một, xã Long Hiệp)	0,5	1	1,5	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần	Phục vụ TT. Minh Long/ đến năm 2030	2016- 2017
3.8.2	NT Hóc Quéo (thôn Hai, xã Long Hiệp)	0,5	1	2	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần	Phục vụ TT. Minh Long/ đến năm 2030	2016- 2017
3.8.3	NT Gò Cà Rốc (thôn Dục Ái, xã Long Hiệp)	0,5	1	3	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần, cát táng	Phục vụ TT. Minh Long/ đến năm 2030	2016- 2017
3.9	Huyện Sơn Hà	1,8	3	6			
3.9.1	Nghĩa trang TT. Di Lăng, tại TDP Cà Đáo	1,8	3	6	Mở rộng hiện trạng - Hỏa táng phục vụ huyện Sơn Hà; Chôn 1 lần không cải táng, tiếp nhận mộ cát táng di dời	TT. Di Lăng /đến năm 2030	2016- 2017
3.10	Nghĩa trang huyện Ba Tơ	2,8	5	10,42			
3.10.1	Nghĩa trang Vườn Đào	1	2	3,1	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần	TT. Ba Tơ/ Đến năm 2030	2016- 2017
3.10.2	Nghĩa trang Cây Da	0,8	1,5	2,32	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần	TT. Ba Tơ / Đến năm 2030	2016- 2017
3.10.3	Nghĩa trang phía Nam đô thị Ba Vì	1	1,5	5	Xây dựng mới - Chôn 1 lần	TT. Ba Vì / Sau năm 2030	2016- 2017
3.11	Huyện Trà Bồng	2	3,5	6			
3.11.1	NT đôi Bồng Chinh, TT. Trà Xuân	2	3,5	6	Xây dựng mới - Chôn 1 lần, cát táng	TT. Trà Xuân/ Đến năm 2030	2016- 2017
3.12	Huyện Tây Trà	1,5	3	5			
3.12.1	Nghĩa trang Gò Rỏ, xã Trà Phong	1,5	3	5	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần	Thị trấn Tây Trà/ Sau năm 2030	2017- 2018
3.13	Huyện Sơn Tây	1	1	2			
3.13.1	Nghĩa trang thị trấn Sơn Dung	1	1	2	Mở rộng hiện trạng -	Phục vụ TT. Sơn Dung/ sau năm	2016-

TT	Tên nghĩa trang/ Vị trí	Diện tích quy hoạch (ha)		Diện tích đáp ứng (ha)	Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Phạm vi phục vụ / tuổi thọ	Lộ trình thực hiện
		Đến 2020	2021- 2030				
					Chôn 1 lần, cát táng	2030	2017
3.14	Huyện đảo Lý Sơn	1,4	3,4	4,4			
3.14.1	Nghĩa trang Vò Vò, xã An Vĩnh	0,5	1,2	1,2	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần không cải táng	Xã An Vĩnh/ đến năm 2030	2016-2017
3.14.2	Nghĩa trang xã An Bình	0,5	1	2	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần không cải táng	Xã An Bình/ đến năm 2030	2016-2017
3.14.3	Nghĩa trang thôn Đông, xã An Hải	0,4	1,2	1,2	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần không cải táng	Thôn Đông, xã An Hải/ đến 2050	2016-2017